

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang

2. Ông Trần Văn Phủ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0616/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 598/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 406/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xã Đ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông M (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà T trình bày: Bà và ông M có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng nhau tạo dựng kinh tế gia đình, không hòa hợp với cuộc sống của gia đình bên chồng. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông M đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn với ông M. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 23/7/2018 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Nguyên đơn trình bày, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không cùng nhau tạo dựng kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp với gia đình bên chồng nên cuộc sống vợ chồng bị ảnh hưởng, không hạnh phúc. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Xét, hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với mong muốn xây dựng hạnh phúc thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà T được ly hôn với ông M.
2. Về con chung: Bà T và ông M không có con chung.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: 300.000 đồng bà T chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000980 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường H, Q. Bình Thạnh,
- TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương